



GIỚI THIỆU VIETINBANK

Quý III/2018

Nội dung chính

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng
2. Thông tin chung về VietinBank
3. Điểm nhấn nhà đầu tư
4. Chiến lược kinh doanh
5. Kết quả hoạt động
6. Phụ lục

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

- ❖ Tổng sản phẩm quốc nội - GDP
- ❖ Chỉ số giá tiêu dùng - CPI
- ❖ Chỉ số quản lý sức mua - PMI
- ❖ Xuất nhập khẩu
- ❖ Đầu tư trực tiếp nước ngoài – FDI
- ❖ Ngành ngân hàng Việt Nam

Tổng sản phẩm quốc nội - GDP

GDP 9 tháng đầu năm 2018 tăng cao nhất kể từ năm 2011

- ❖ Tăng trưởng GDP năm 2017 đạt 6,81%, trong đó Quý I tăng 5,15%; Quý II tăng 6,28%; Quý III tăng 7,46%; Quý IV tăng 7,65% - vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành và chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.
- ❖ GDP Quý III/2018 tăng 6,88% so với cùng kỳ năm trước, tuy thấp hơn mức tăng 7,45% của Quý I nhưng cao hơn mức tăng 6,73% của Quý II. Tính chung 9 tháng đầu năm 2018, GDP tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở lại đây.
- ❖ Theo Nghị quyết số 01/NĐ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Chính phủ tiếp tục đặt kế hoạch mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 6,7%.

Tăng trưởng GDP 2008 – 2017 (nghìn tỷ đồng)



Tăng trưởng GDP theo quý (2015 – 2018)



Chỉ số giá tiêu dùng - CPI

CPI 9 tháng đầu năm 2018 tăng so với 2017

CPI tháng 9/2018 tăng 0,59% so với tháng trước, tăng 3,2% so với tháng 12/2017 và tăng 3,98% so với cùng kỳ năm trước.

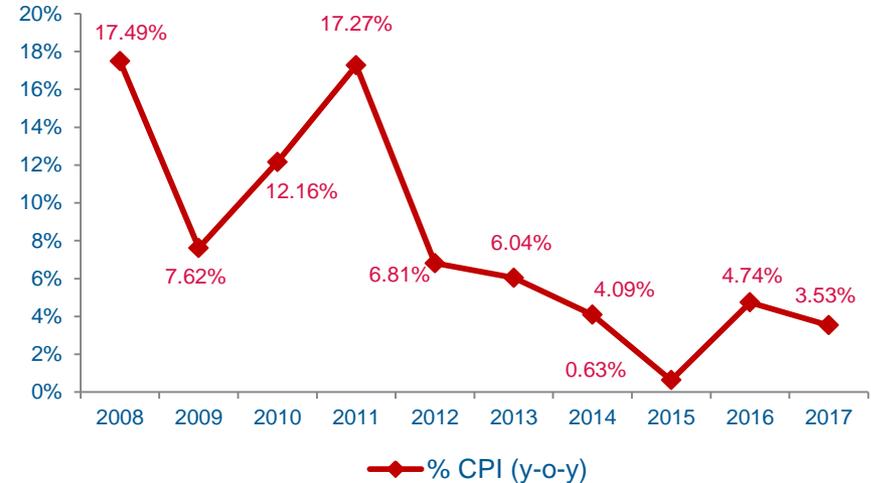
CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2018 tăng 3,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2018 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 1,61% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng đầu năm 2018 tăng 1,41% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

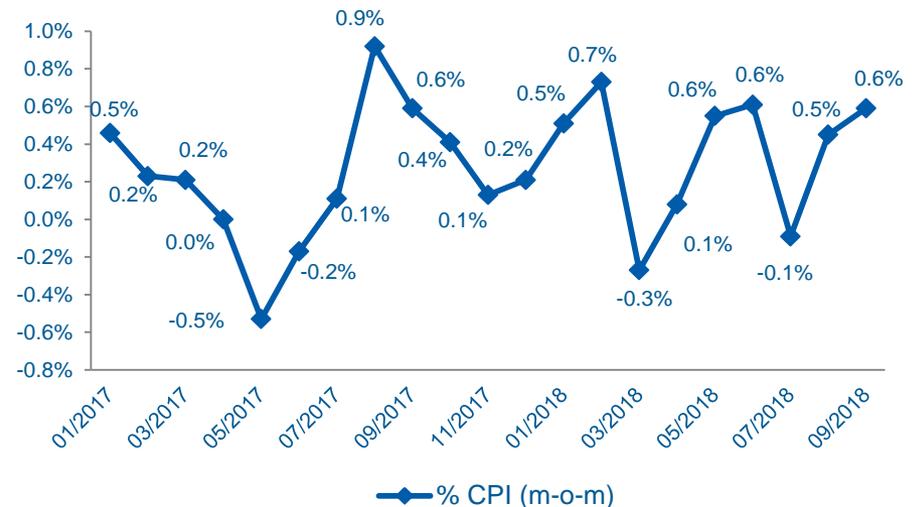
Các yếu tố tác động:

- Tăng giá dịch vụ y tế;
- Thực hiện lộ trình tăng học phí và nhu cầu mua sắm cho năm học mới tăng cao;
- Hai đợt điều chỉnh tăng giá xăng dầu trong tháng 9/2018;
- Nhu cầu xuất khẩu gạo tăng;
- Giá các mặt hàng lương thực, giá thịt lợn tăng;
- Giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới như giá nhiên liệu, chất đốt, sắt thép tăng trở lại;
- Tích cực triển khai các biện pháp bình ổn giá cả thị trường;
- NHNN điều hành CSTT, giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Tăng trưởng CPI 2008 - 2017



Tăng trưởng CPI theo tháng (2017-2018)



Chỉ số quản lý sức mua - PMI

Tốc độ mở rộng lĩnh vực sản xuất chậm lại trong ba tháng liên tiếp

- ❖ Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đã giảm từ mức 53,7 điểm trong tháng 8 xuống còn 51,5 điểm trong tháng 9. Tốc độ cải thiện sức khỏe của lĩnh vực sản xuất đã chậm lại trong ba tháng liên tiếp. Tuy nhiên, các điều kiện hoạt động đã cải thiện hơn trong suốt 34 tháng qua.
- ❖ Nhân tố chính làm giảm chỉ số PMI trong tháng 9 là sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng chậm hơn. Sản lượng ngành sản xuất tăng với tốc độ yếu nhất kể từ tháng 3 và tăng trưởng đã chậm lại tháng thứ ba liên tiếp. Trong khi đó, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng ở mức vừa phải, và là mức tăng chậm nhất trong 16 tháng.

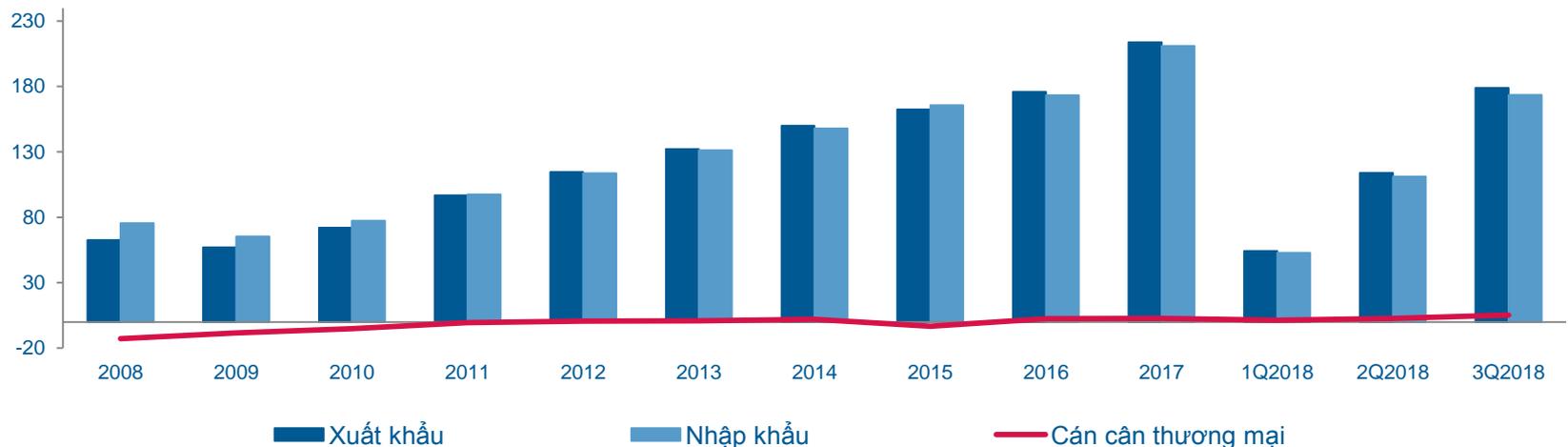
Chỉ số quản lý sức mua (PMI)



Cán cân thương mại thặng dư lớn trong Quý III/2018

- ❖ Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2018: 178,91 tỷ USD (tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2017)
 - Khu vực trong nước: 51,07 tỷ USD (tăng 17,5%);
 - Khu vực FDI: 127,84 tỷ USD (tăng 14,6%).
- ❖ Kim ngạch nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2018: 173,52 tỷ USD (tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2017)
 - Khu vực trong nước: 69,34 tỷ USD (tăng 11,7%);
 - Khu vực FDI: 104,18 tỷ USD (tăng 11,9%).
- ❖ Cán cân thương mại: Xuất siêu 5,39 tỷ USD
 - Khu vực trong nước: Nhập siêu 18,27 tỷ USD;
 - Khu vực FDI: Xuất siêu 23,66 tỷ USD.

Xuất nhập khẩu (tỷ USD)

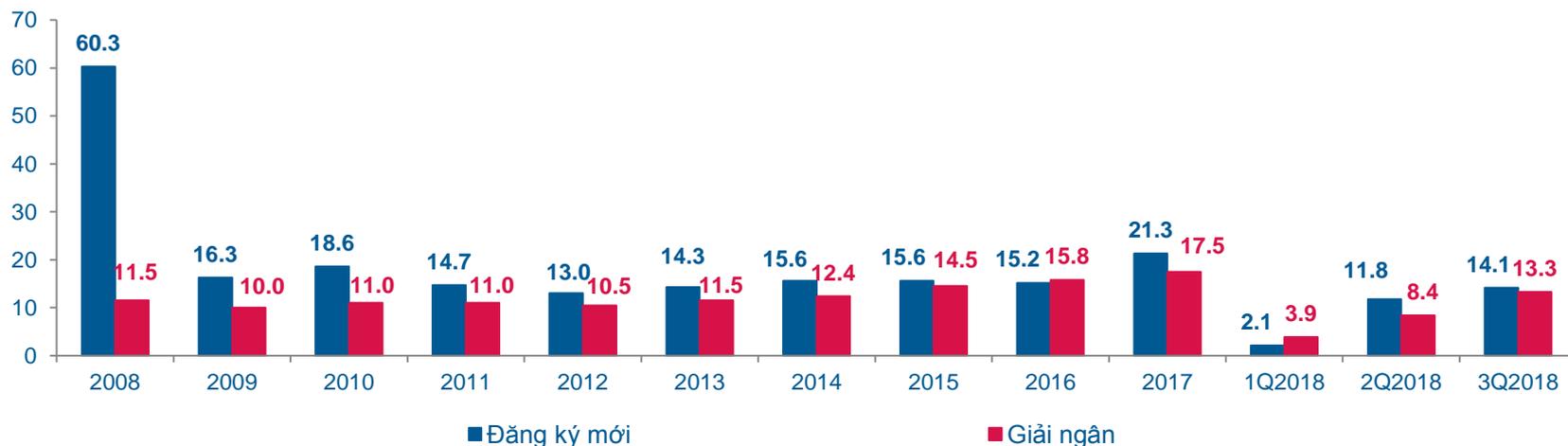


Đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI

FDI đăng ký giảm, nhưng giải ngân FDI có sự cải thiện

- ❖ Tính đến 20/9/2018, FDI thu hút 2.182 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,12 tỷ USD, tăng 18,3% về số dự án và giảm 3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017.
- ❖ Có 841 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 5,54 tỷ USD, giảm 17,9% so với cùng kỳ năm 2017. Tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 9 tháng đầu năm 2018 đạt 19,67 tỷ USD, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2017.
- ❖ Có 5.275 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 5,7 tỷ USD, tăng 36,8% so với cùng kỳ năm 2017.
- ❖ FDI thực hiện 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 13,25 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017.

FDI đăng ký mới và giải ngân (tỷ USD)



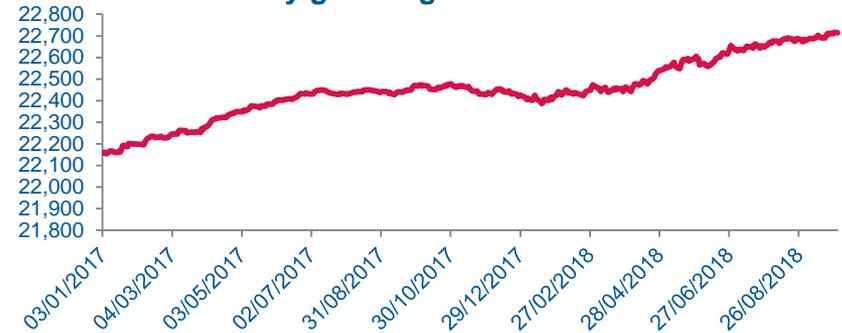
Tỷ giá USD/VND tăng mạnh trong Quý III/2018

- ❖ Tỷ giá USD/VND Quý III/2018 chứng kiến đà tăng tương đối mạnh, vượt ngưỡng 23.000 VND/USD đầu tháng 7 và đạt ngưỡng kỷ lục mới 23.350 VND/USD trong tháng 9. Nguyên nhân tăng chủ yếu do các nhân tố bên ngoài: đồng CNY mất giá mạnh trong khi giá trị đồng USD tăng do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung leo thang.
- ❖ Tính đến 28/9/2018, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng 64 điểm từ mức 22.650 USD/VND cuối tháng 6 lên mức 22.714 USD/VND, tương đương với mức tăng khoảng 0,28% so với thời điểm cuối Quý II/2018.
- ❖ Áp lực tỷ giá hiện hữu trong những tháng cuối năm.

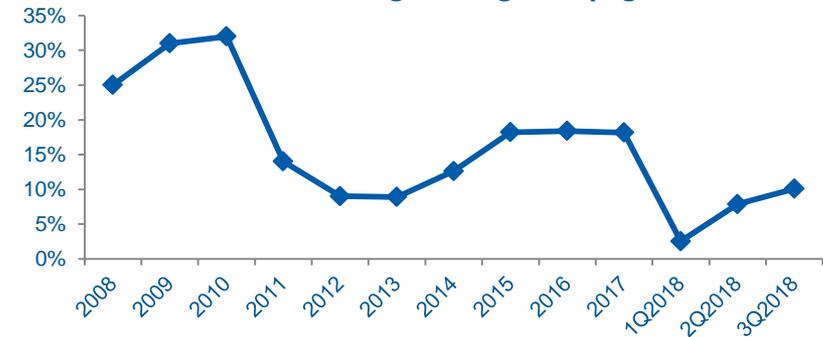
Lãi suất huy động kỳ hạn dưới 12 tháng tăng nhẹ, lãi suất cho vay ổn định

- ❖ Tổng phương tiện thanh toán tăng 8,74% so với cuối năm 2017 (tại thời điểm 20/9/2018).
- ❖ Tín dụng tăng 10,08% so với cuối năm 2017.
- ❖ Huy động vốn của các TCTD tăng 9,15% so với cuối năm 2017.
- ❖ Một số ngân hàng tăng nhẹ khoảng 0,1-0,2% lãi suất huy động kỳ hạn dưới 12 tháng do thanh khoản tiền VND bớt dư thừa trong Quý III.
- ❖ Lãi suất cho vay các lĩnh vực SXKD thông thường ổn định, giữ ở mức 6-9%/năm đối với ngắn hạn và 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

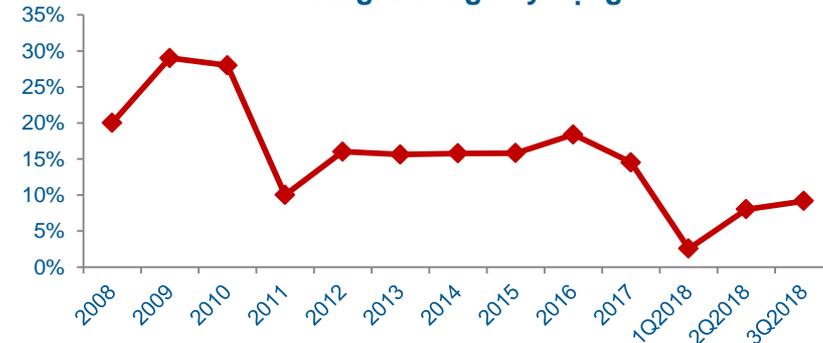
Tỷ giá trung tâm của NHNN



Tăng trưởng tín dụng



Tăng trưởng huy động



2. Thông tin chung

- ❖ **Tổng quan về VietinBank**
- ❖ **Cơ cấu hoạt động**
- ❖ **Cơ cấu quản trị**

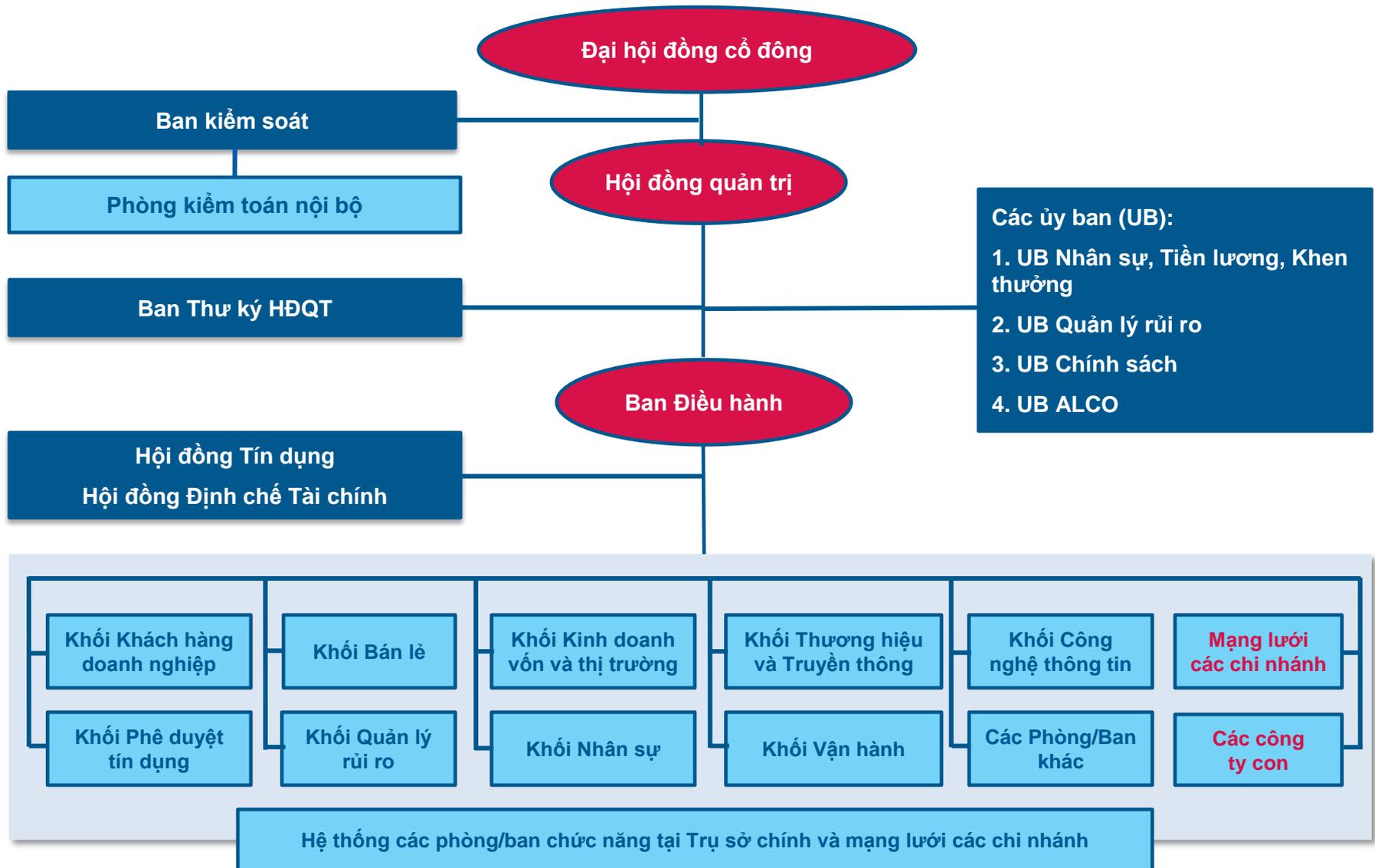
Tổng quan về VietinBank



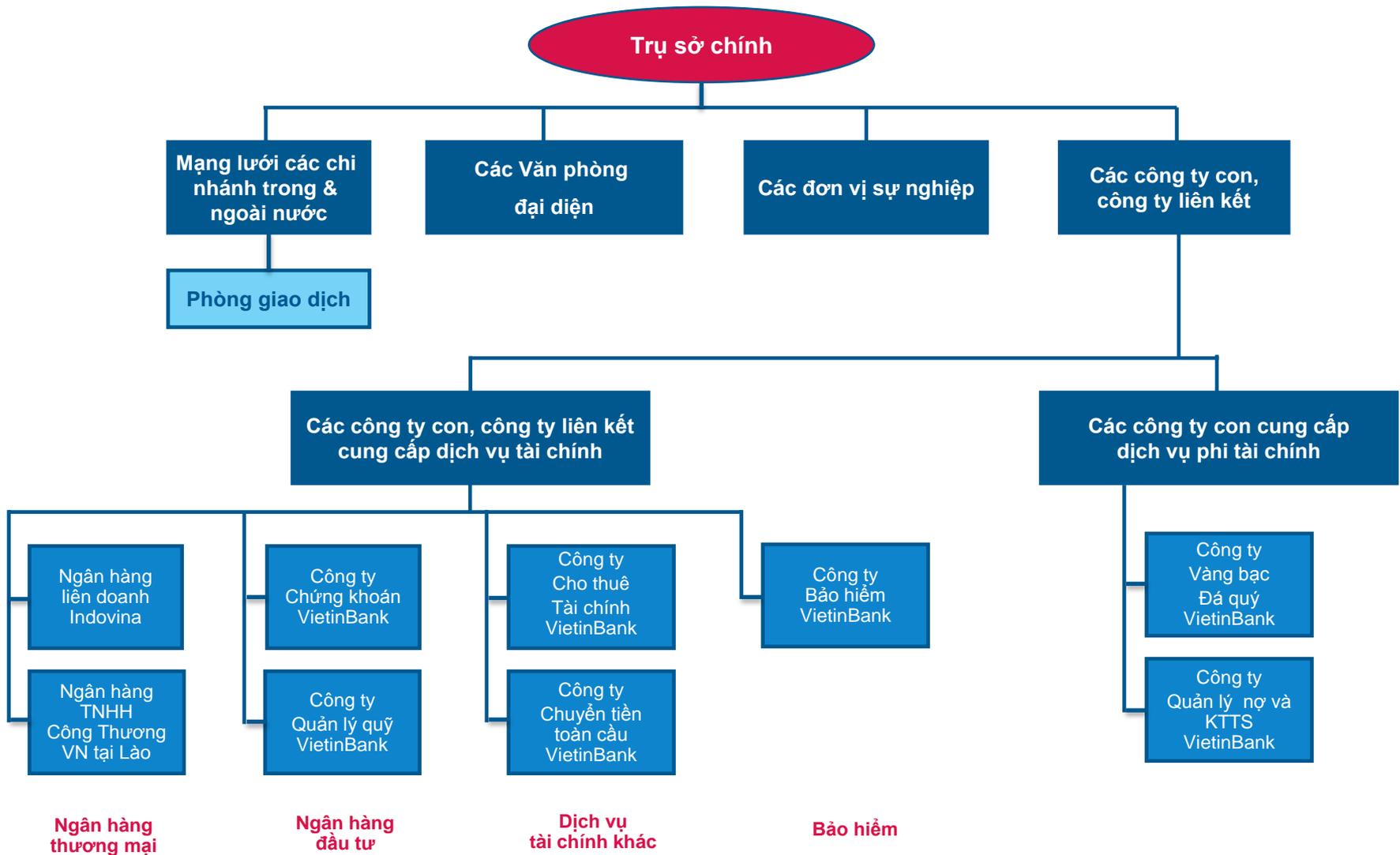
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) là Tập đoàn Tài chính - Ngân hàng hàng đầu, giữ vai trò trụ cột trong hệ thống Tài chính - Ngân hàng Việt Nam.

- **1988** Thành lập sau khi tách ra từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- **2008** Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (1 năm sau đó).
- **2009** Chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (viết tắt là VietinBank).
- **2011** IFC chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của VietinBank, sở hữu 10% vốn điều lệ của VietinBank.
- **2012** BTMU (nay là MUFG Bank) chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài thứ hai của VietinBank, sở hữu 19,73% vốn điều lệ của VietinBank.
- **2017** Chuyển đổi Core banking thành công.
Nhận giải thưởng “Dự án ngân hàng lõi tốt nhất” của The Asian Banker.

Cơ cấu quản trị hợp lý



Cơ cấu hoạt động vững mạnh



3. Điểm nhấn đầu tư

- ❖ Thị phần
- ❖ Vốn điều lệ, tổng nguồn vốn và tổng tài sản
- ❖ Mạng lưới hoạt động
- ❖ Thương hiệu và cơ sở khách hàng
- ❖ Cơ cấu cổ đông mạnh
- ❖ Quản trị doanh nghiệp và nhân sự

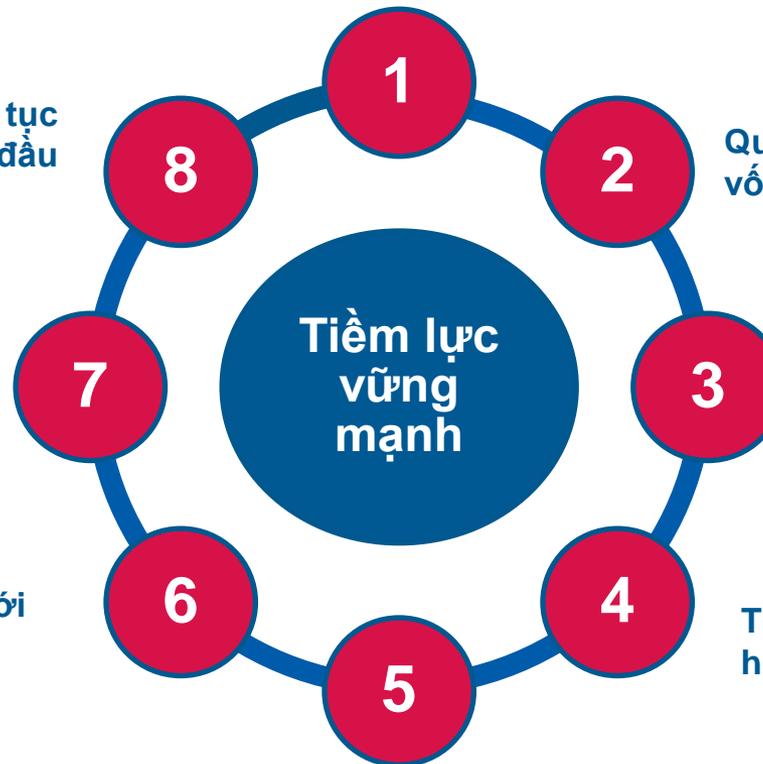
Thị phần lớn:

- Cho vay (12,39%)
- Huy động vốn (10,95%)
- NH đầu tư (16,5%)
- Chuyển tiền (15%)
- TTQT & TTTM (13,07%)
- Dịch vụ thanh toán thẻ (22%)

Kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong 9 tháng đầu năm 2018

Nguồn nhân lực có chất lượng

Cơ cấu tổ chức bền vững với công nghệ hiện đại



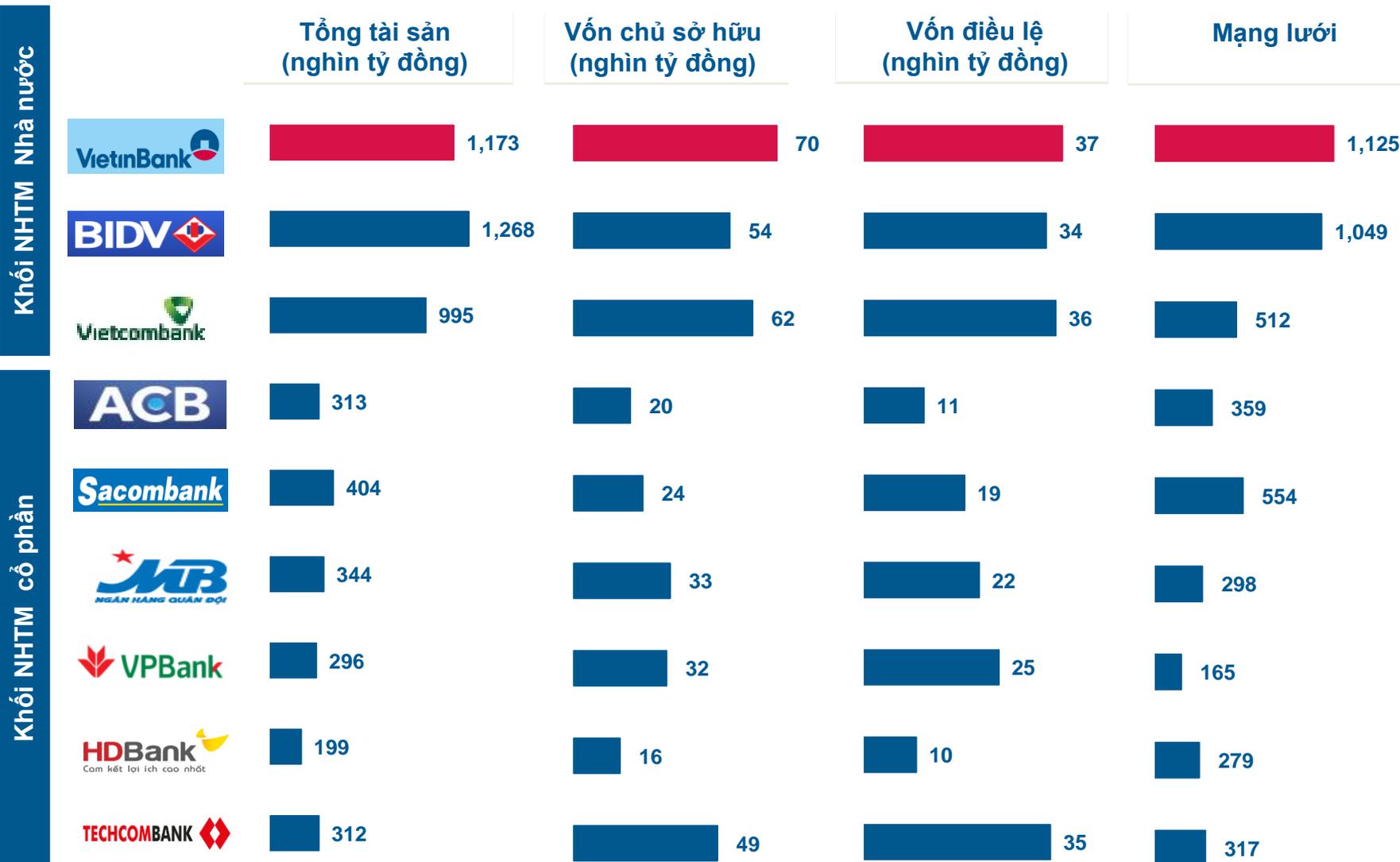
Quy mô vượt trội (tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ)

Mạng lưới rộng lớn trong và ngoài nước

Thương hiệu mạnh với khách hàng đa dạng

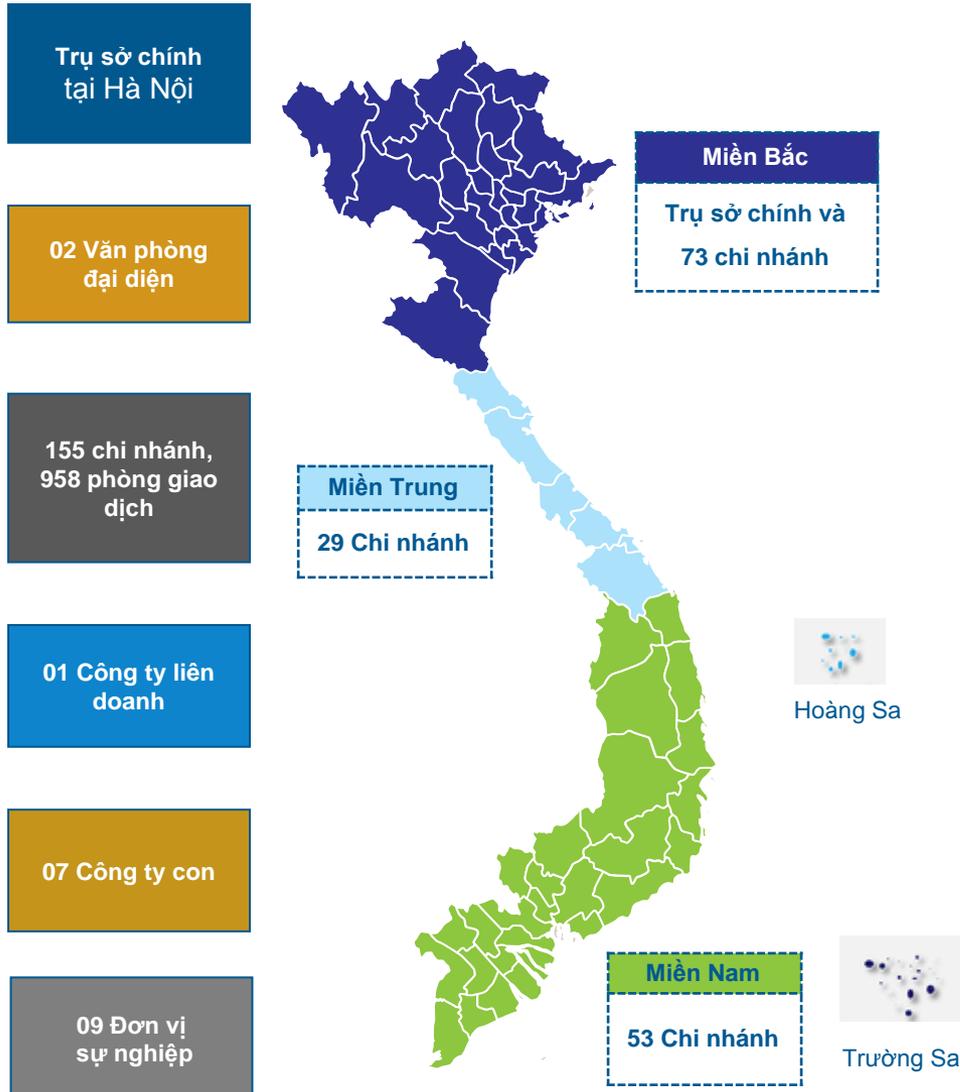
Cơ cấu cổ đông mạnh
(CĐNN 64,46%; MUFG 19,73%, IFC 8,03%)

Quy mô vượt trội



Ghi chú: Số liệu đến 30/9/2018

Mạng lưới rộng khắp



Mạng lưới trong nước:

- Trụ sở chính tại Hà Nội
- 02 Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và TP.HCM
- 155 Chi nhánh, 958 Phòng giao dịch ở khắp các tỉnh, thành trên cả nước
- 09 Đơn vị sự nghiệp
- 07 Công ty con (bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý quỹ, quản lý tài sản, vàng bạc đá quý, chuyển tiền toàn cầu)
- 01 Công ty liên doanh (Ngân hàng Indovina)
- Gần 2.000 máy ATM

Mở rộng mạng lưới ra nước ngoài:

- 01 Chi nhánh tại Frankfurt, CHLB Đức
- 01 Chi nhánh tại Berlin, CHLB Đức
- 01 Ngân hàng con tại Lào
- 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar

VietinBank có quan hệ đại lý với hơn 1.000 ngân hàng ở trên 90 quốc gia trên thế giới

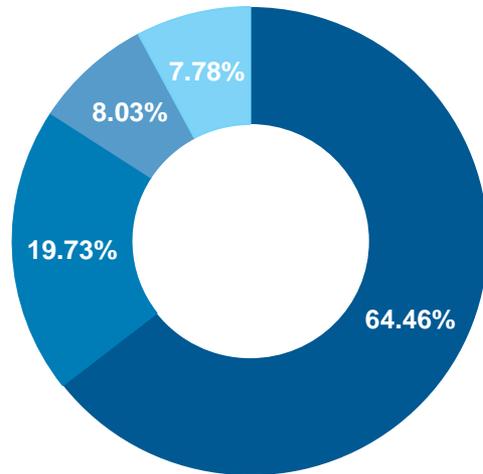
Nền tảng khách hàng lớn và vững chắc

VietinBank đã thiết lập mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, lâu dài với các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và ngày càng mở rộng quan hệ với khách hàng SMEs, FDI và cá nhân.



Cơ cấu cổ đông mạnh

Cổ đông lớn



- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- MUFG
- IFC
- Cổ đông khác

Hỗ trợ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn



Cổ đông Nhà nước



MUFG



IFC

Hỗ trợ

- Năm giữ 64,46% cổ phần trong VietinBank, cổ phần nắm giữ của Chính phủ sẽ không dưới 51% vào bất cứ thời điểm nào.
- Phần lớn các thành viên trong HĐQT được chỉ định bởi Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

- MUFG ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các lĩnh vực:
 - Quản lý rủi ro, áp dụng BASEL II
 - Công nghệ thông tin
 - Ngân hàng đầu tư
 - Dịch vụ cho Khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Dịch vụ thu tiền mặt và các hoạt động liên quan.

- IFC ký hợp đồng hợp tác với VietinBank trong năm 2011. Theo cam kết, IFC sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho VietinBank trong các lĩnh vực sau:
 - Quản trị rủi ro
 - Dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
 - Tiết kiệm hiệu quả năng lượng
 - Công nghệ thông tin

Ban Lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Đức Thọ
Chủ tịch HĐQT



Ông Cát Quang Dương
Thành viên HĐQT



Bà Trần Thu Huyền
Thành viên HĐQT



Ông Phùng Khắc Kế
Thành viên HĐQT độc lập



Bà Nguyễn Hồng Vân
Thành viên HĐQT



Ông Hideaki Takase
Thành viên HĐQT



Ông Hiroshi Yamaguchi
Thành viên HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Trần Minh Bình
Quyền TGD



Ông Hiroshi Yamaguchi
Phó TGD



Bà Lê Như Hoa
Phó TGD



Ông Nguyễn Hoàng Dũng
Phó TGD



Ông Nguyễn Đức Thành
Phó TGD



Ông Trần Công Quỳnh Lâm
Phó TGD



Ông Nguyễn Đình Vinh
Phó TGD



Ông Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Thế Huân
Trưởng BKS



Bà Phạm Thị Thơm
Thành viên BKS



Ông Trần Minh Đức
Thành viên BKS



Bà Phạm Thị Hồng Phương
Thành viên BKS

4. Chiến lược kinh doanh

- ❖ Tâm nhìn và mục tiêu chiến lược
- ❖ Các mục tiêu kế hoạch năm 2018

Tầm nhìn

Trở thành một ngân hàng dẫn đầu Việt Nam, ngang tầm khu vực, hiện đại, đa năng, theo chuẩn quốc tế

Mục tiêu

Trở thành ngân hàng có quy mô lớn với hiệu quả hoạt động tốt nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam vào năm 2020

Chủ điểm chiến lược

- 1 Tăng trưởng quy mô bền vững
- 2 Chuyển dịch cơ cấu thu nhập
- 3 Phát triển hoạt động ngân hàng thanh toán
- 4 Nâng cao năng lực tài chính
- 5 Nâng cao năng suất lao động toàn hàng và quản trị chi phí hiệu quả

Các mục tiêu kế hoạch cụ thể năm 2018



Chú trọng nâng cao năng lực tài chính



Tăng trưởng gắn với hiệu quả, ổn định, bền vững, có chọn lọc



Cải thiện mạnh mẽ chất lượng dịch vụ



Phát triển mạnh dịch vụ, sản phẩm về ngân hàng thanh toán và ngân hàng đầu tư



Nâng cao năng suất lao động, quản trị chi phí hiệu quả



Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và kiểm soát rủi ro

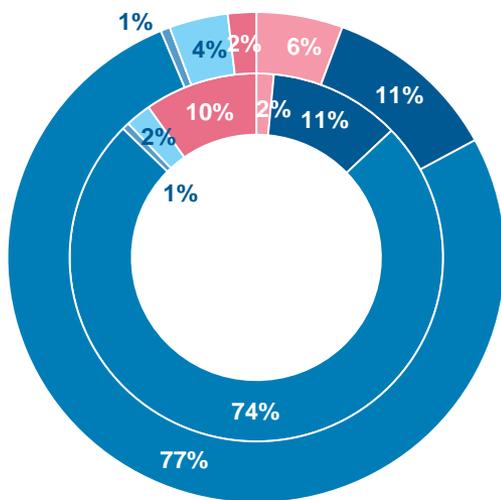
5. Kết quả hoạt động

- ❖ Huy động vốn tăng trưởng ổn định với tỷ trọng lớn từ TT1
- ❖ Tăng trưởng tín dụng cao, nợ xấu được kiểm soát
- ❖ Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng
- ❖ Kết quả kinh doanh của VietinBank
- ❖ Kết quả hoạt động so với các ngân hàng khác

Huy động vốn tăng trưởng ổn định

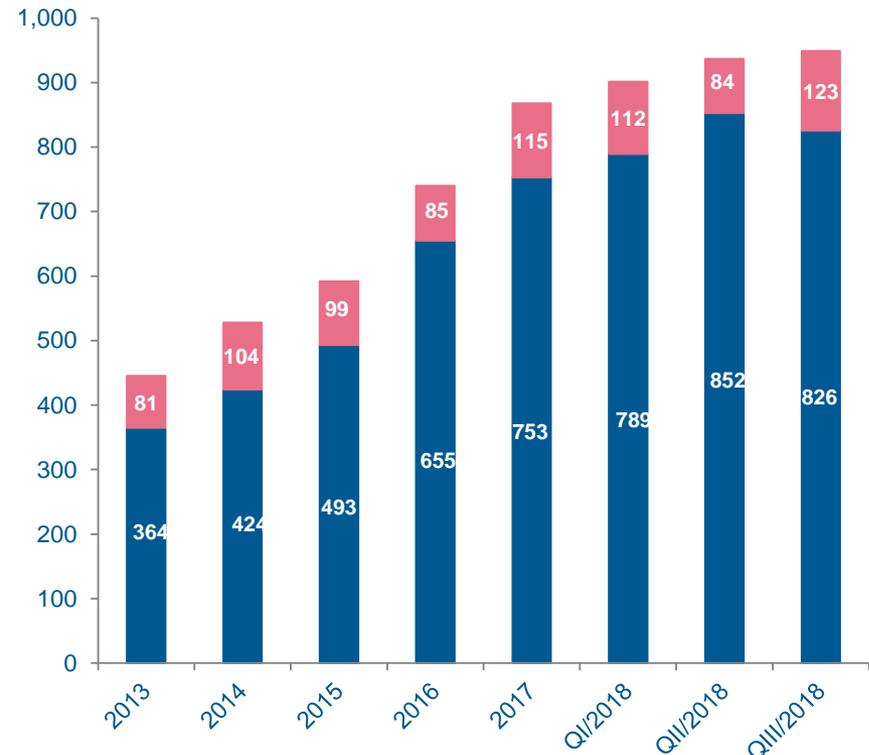
Cơ cấu huy động

Vòng trong: Tại 31/12/2017: 1.011 nghìn tỷ đồng
 Vòng ngoài: Tại 30/09/2018: 1.077 nghìn tỷ đồng



- Vay Chính phủ và NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTC khác
- Tiền gửi khách hàng
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Phát hành giấy tờ có giá
- Nguồn huy động khác

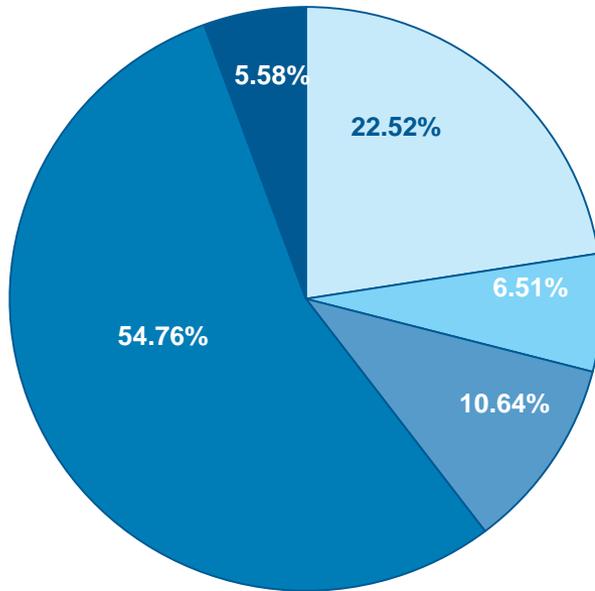
Tiền gửi khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác (nghìn tỷ đồng)



- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi khách hàng

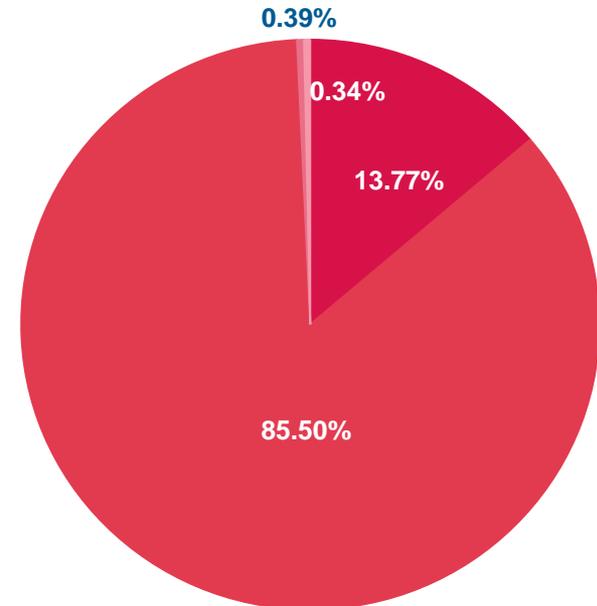
Cơ cấu tiền gửi khách hàng

Cơ cấu tiền gửi theo loại hình doanh nghiệp (31/12/2017)



- DNNN (22,52%)
- DN FDI (6,51%)
- Doanh nghiệp khác (10,64%)
- Cá nhân (54,76%)
- Thành phần khác (5,58%)

Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn (30/9/2018)



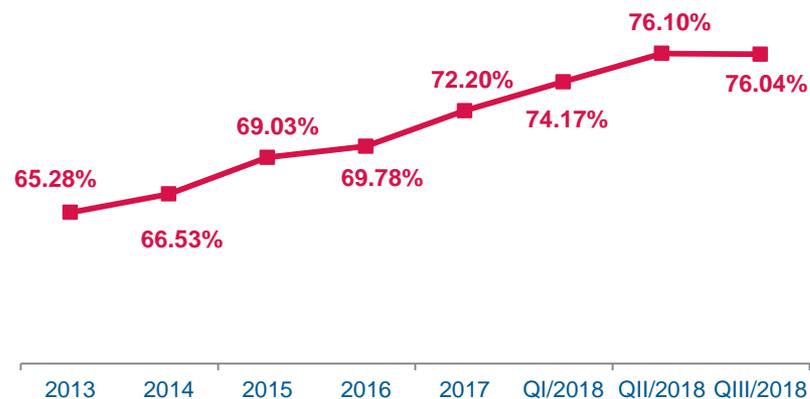
- Tiền gửi không kỳ hạn (13,77%)
- Tiền gửi có kỳ hạn (85,50%)
- Tiền gửi vốn chuyên dụng (0,39%)
- Tiền gửi ký quỹ (0,34%)

Tăng trưởng tín dụng tốt

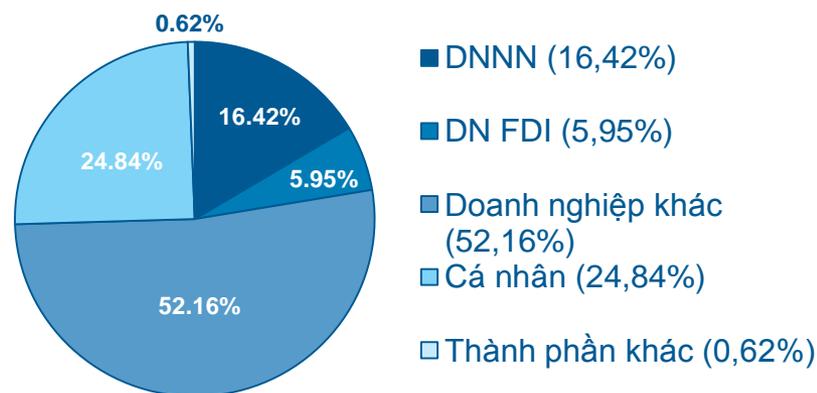
Cho vay khách hàng (nghìn tỷ đồng)



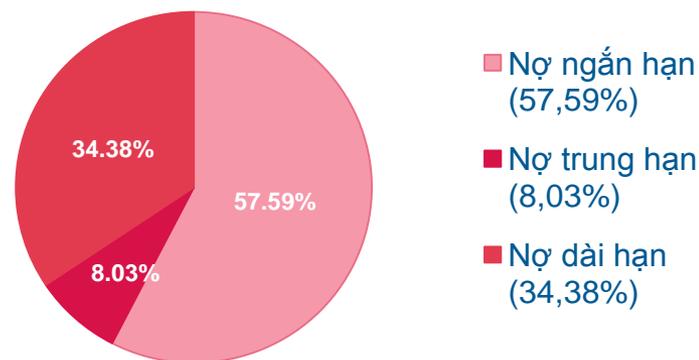
Cho vay/Tổng tài sản (LAR)



Cơ cấu cho vay theo loại hình doanh nghiệp (31/12/2017)

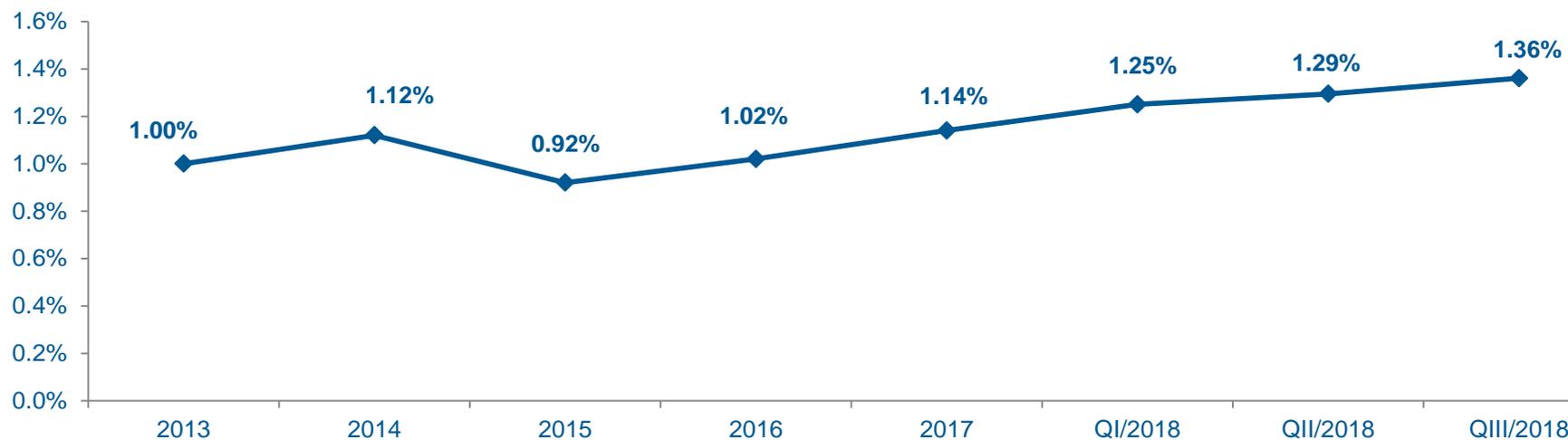


Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn (30/9/2018)



Nợ xấu được kiểm soát

Nhóm	QIII/2018		QII/2018		QI/2018		2017		2016	
	Giá trị (tỷ đồng)	%								
Nhóm 1 <i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i>	876.298	98,28	852.511	98,26	812.365	98,31	778.050	98,40	649.686	98,14
Nhóm 2 <i>Nợ cần chú ý</i>	3.192	0,36	3.828	0,44	3.697	0,45	3.627	0,46	5.559	0,84
Nợ xấu	12.127	1,36	11.228	1,29	10.296	1,25	9.011	1,14	6.743	1,02
Tổng	891.617	100	867.566	100	826.358	100	790.688	100	661.988	100



Quản lý tốt chất lượng tài sản

Hệ thống tín dụng phù hợp

- VietinBank có hệ thống tín dụng phù hợp, cho phép theo dõi các giới hạn cho vay và khẩu vị rủi ro tín dụng.
- Hệ thống tín dụng này của ngân hàng được truyền thông sâu rộng với phân cấp thẩm quyền và các kênh báo cáo rõ ràng.

Thiết lập hạn mức tín dụng cho khách hàng, nhóm khách hàng, lĩnh vực

- Các khoản tín dụng được phân bổ phù hợp theo chủ thể kinh tế và ngành nghề kinh tế, đảm bảo đa dạng hóa danh mục tín dụng, giảm thiểu rủi ro tập trung.
- Chính sách tín dụng thiết lập hạn mức chặt chẽ đối với từng đối tượng.

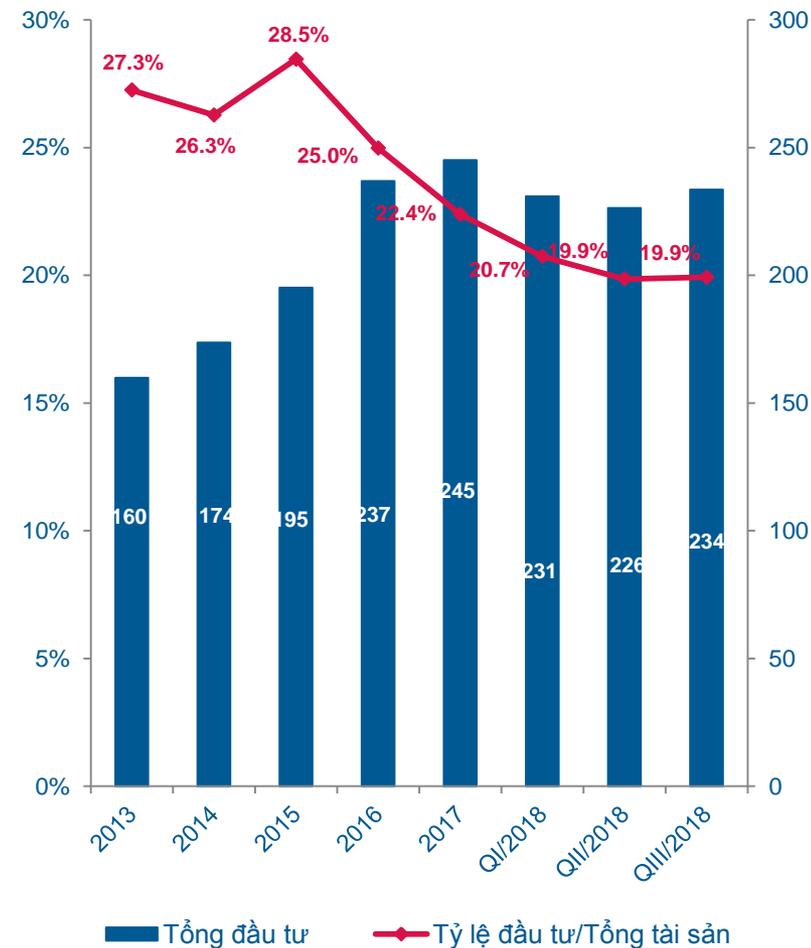
Phân loại tài sản có và đáp ứng các yêu cầu trích lập dự phòng một cách toàn diện

- Phân loại tài sản có toàn diện và chi tiết, xây dựng chính sách và yêu cầu trích lập dự phòng phù hợp với quy định và tiêu chuẩn quốc tế.
- Các quy tắc phân loại nói trên đã mang lại những kết quả tích cực trong việc đo lường các khoản nợ xấu.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ

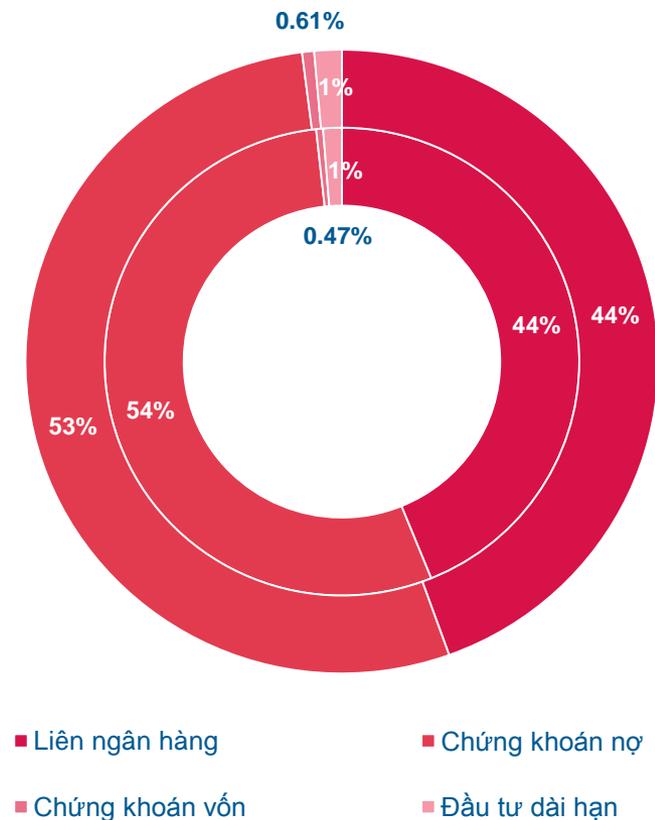
- Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ được áp dụng để tăng cường chất lượng quản lý tài sản trong bối cảnh nền kinh tế đang tăng trưởng.

Danh mục đầu tư (VND, nghìn tỷ đồng)

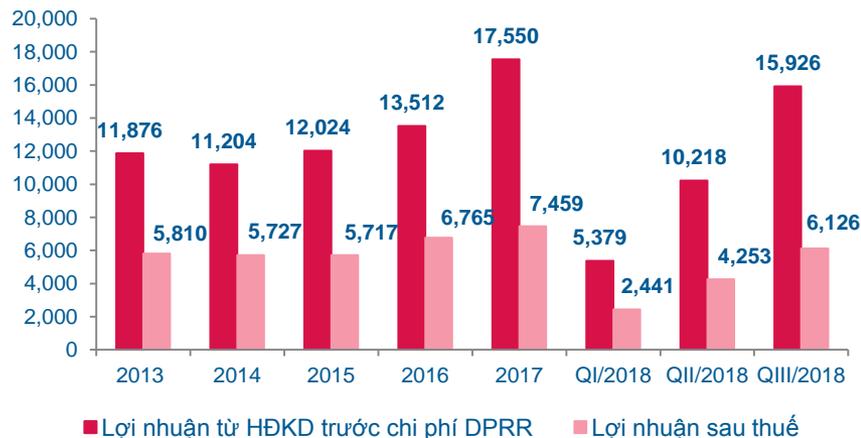


Danh mục đầu tư

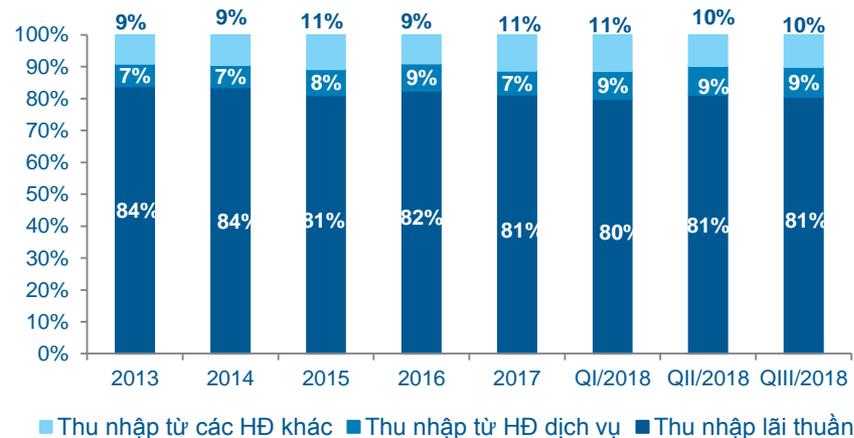
Vòng trong: Tại 31/12/2017
 Vòng ngoài: Tại 30/09/2018



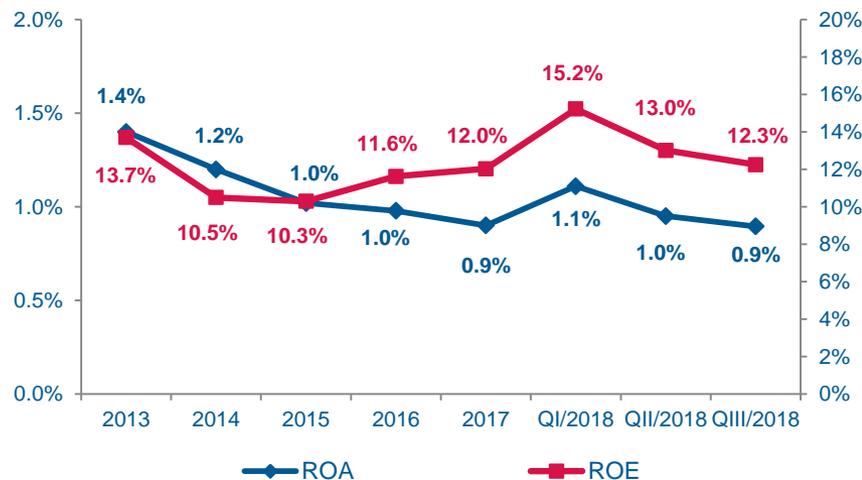
Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)



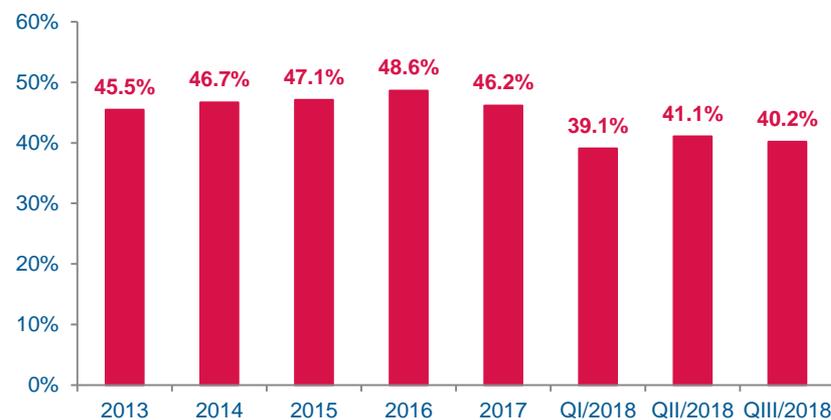
Các khoản thu nhập hoạt động



Các chỉ số tài chính



Tỷ lệ Chi phí/Thu nhập



6. Phụ lục

- ❖ **Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu**
- ❖ **Hoạt động hiệu quả của các công ty con**
- ❖ **Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG**
- ❖ **Bảng cân đối kế toán**
- ❖ **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
- ❖ **Website Quan hệ Nhà đầu tư**

Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu

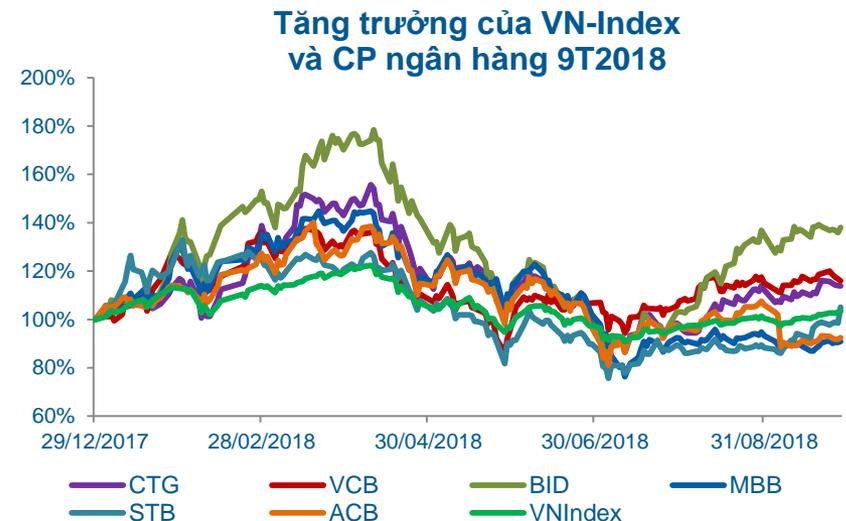
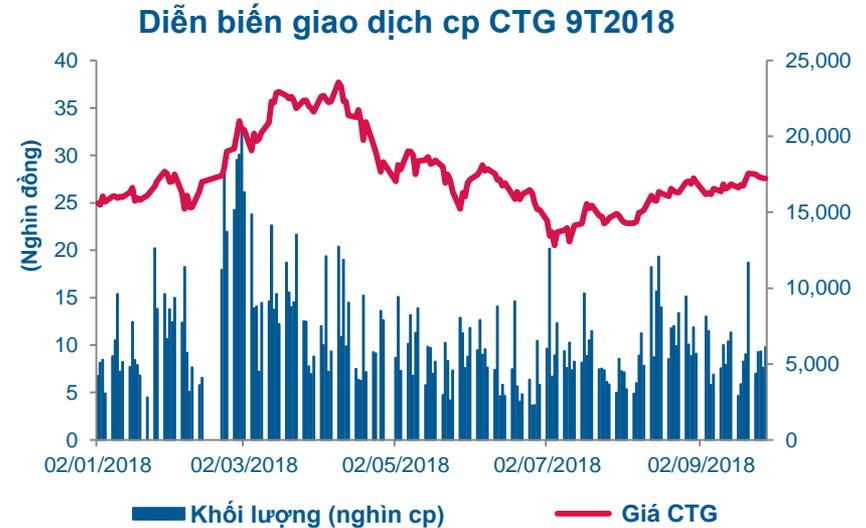
	<p>VietinBank là DN duy nhất trong ngành ngân hàng đạt Giải Vàng Chất lượng quốc gia trong lĩnh vực DN dịch vụ quy mô lớn. Đây là Giải thưởng Cao quý cấp Quốc gia được Thủ tướng trao tặng nhằm tôn vinh những DN tiêu biểu xứng đáng góp phần nâng cao năng lực của các DN Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế đất nước với kinh tế khu vực và thế giới.</p>		<p>Lần thứ 6 lọt vào Top 500 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới, giá trị thương hiệu đạt 381 triệu USD, tăng 51,3% so với 2017, sức mạnh thương hiệu hạng AA-; Xếp hạng 310 (cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam); thứ 3 trong Top các ngân hàng tăng hạng nhiều nhất; thứ 24 trong xếp hạng các ngân hàng ASEAN.</p>
	<p>VietinBank được Tạp chí Global Banking & Finance Review trao giải thưởng “Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2018” và “Trung tâm Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2018”.</p>		<p>Lần thứ 14 liên tiếp VietinBank được trao danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam và cũng là lần thứ 14 liên tiếp giữ vững vị trí Top dẫn đầu.</p>
	<p>Lần thứ 7 liên tiếp, VietinBank lọt vào danh sách Forbes Global 2000 (Top 2000 DN lớn nhất thế giới) do tạp chí uy tín của Mỹ Forbes công bố và giữ vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam.</p>		<p>VietinBank nằm trong danh sách “50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” năm 2018. và Top 40 thương hiệu công ty giá trị nhất Việt Nam do Tạp chí Forbes Việt Nam công bố.</p>
	<p>VietinBank được The Asian Banker bình chọn và trao 4 giải thưởng lớn gồm: Dự án Phân tích dữ liệu tốt nhất; Dự án Ngân hàng lõi tốt nhất; Ngân hàng SME của năm; Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam.</p>		<p>VietinBank tiếp tục lọt vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500. Đồng thời cũng là ngân hàng giữ vị trí cao nhất trong Top 10 trong Bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017; Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2017.</p>
	<p>VietinBank vinh dự nhận giải thưởng “Ngân hàng dành cho SME tốt nhất Việt Nam 2018” và VietinBank là ngân hàng Việt Nam duy nhất nhận giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam về Quản lý dòng tiền năm 2017” từ Tạp chí Asiamoney .</p>		<p>VietinBank đã được Global Finance vinh danh giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2018” và “Đơn vị cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất thế giới năm 2018”.</p>

Hoạt động hiệu quả của các công ty con

Tên công ty		Vốn điều lệ tại ngày 30/9/2018 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank (%)	Lợi nhuận trước thuế tại ngày 30/9/2018 (Tỷ đồng)
<i>Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào</i>		1.194,1	100%	110,60
<i>Công ty Cho thuê tài chính VietinBank</i>		1.000	100%	95,89
<i>Công ty Quản lý quỹ VietinBank</i>		950	100%	87,12
<i>Công ty Chứng khoán VietinBank</i>		1.064,4	75,61%	180,35
<i>Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm VietinBank</i>		500	97,83%	72,81
<i>Công ty Kinh doanh vàng bạc đá quý VietinBank</i>		300	100%	8,76
<i>Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản VietinBank</i>		120	100%	2,12
<i>Công ty Chuyển tiền toàn cầu VietinBank</i>		50	100%	41,70

Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG 9T2018

Chỉ tiêu	Giá trị
Giá phiên giao dịch đầu 2018 (02/1/2018)	24.950 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối QII/2018 (28/9/2018)	27.550 đồng/cp
Biến động giá trong 9T2018	20.500 - 37.700 đồng/cp
Khối lượng giao dịch	1.247.366.820 cp
Giá trị giao dịch	35.871 tỷ đồng
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	Bán ròng 23.270 cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	30%
EPS	2.163 đồng/cp
P/E (28/9/2018)	12,74x
BVPS	18.777 đồng/cp
P/B (28/9/2018)	1,47x



Bảng cân đối kế toán

ĐVT: Tỷ đồng	2015	2016	2017	1Q2018	2Q2018	3Q2018
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.091	5.187	5.980	6.459	8.081	6.945
Tiền gửi tại NHNN	11.893	13.503	20.756	14.179	4.381	7.991
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	66.019	94.469	107.510	104.458	82.100	103.957
Chứng khoán kinh doanh	3.346	1.895	3.529	4.331	3.114	1.772
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	683	529	652	0	104
Cho vay khách hàng	538.080	661.988	790.688	826.357	855.081	891.617
DPRR cho vay khách hàng	(4.550)	(6.862)	(8.303)	(10.047)	(12.485)	(15.818)
Chứng khoán đầu tư	120.024	134.227	128.393	118.457	137.511	124.180
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.892	3.203	3.114	3.215	3.142	3.277
Tài sản cố định	8.666	10.624	11.437	11.262	11.214	11.066
Tài sản có khác	27.022	29.689	31.427	34.772	35.495	37.426
Tổng tài sản có	779.483	948.568	1.095.061	1.114.095	1.140.117	1.172.517
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.227	4.808	15.207	28.085	50.176	60.514
Tiền gửi và vay các TCTD khác	99.169	85.152	115.159	111.967	84.203	123.347
Tiền gửi của khách hàng	492.960	655.060	752.935	782.273	852.447	825.749
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	118	0	0	0	98	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	54.237	6.075	6.364	6.501	6.545	6.598
Phát hành giấy tờ có giá	20.860	23.849	22.502	22.502	31.117	41.117
Các khoản nợ khác	42.802	113.315	119.129	89.596	47.489	45.277
Tổng nợ phải trả	723.373	888.261	1.031.296	1.047.923	1.072.075	1.102.602
Vốn của TCTD	46.209	46.209	46.209	46.209	46.209	46.209
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	37.234	37.234	37.234	37.234	37.234	37.234
Quỹ của TCTD	5.275	6.367	7.476	7.484	7.494	7.560
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	442	480	551	569	657	682
Lợi nhuận chưa phân phối	3.942	6.991	9.234	11.603	13.372	15.153
Vốn chủ sở hữu	56.110	60.307	63.765	66.172	68.042	69.915
Lợi ích của cổ đông thiểu số	242	260	295	306	310	312
Tổng nguồn vốn	779.483	948.568	1.095.061	1.114.095	1.140.117	1.172.517

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: Tỷ đồng	2014	2015	2016	2017	9T2018	9T2017
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	41.357	42.472	52.890	65.277	55.330	47.772
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(23.495)	(23.633)	(30.586)	(38.204)	(33.383)	(27.856)
Thu nhập lãi thuần	17.862	18.839	22.304	27.073	21.948	19.917
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.117	2.651	3.334	4.302	4.217	2.911
Chi phí hoạt động dịch vụ	(939)	(1.191)	(1.636)	(2.447)	(2.231)	(1.628)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.179	1.460	1.698	1.855	1.986	1.283
Lãi /lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	387	20	685	710	540	518
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	192	129	184	325	391	316
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(154)	53	41	(81)	102	(98)
Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	1.398	2.202	1.299	1.995	1.328	1.345
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	166	41	150	743	331	657
Thu nhập ngoài lãi	3.169	3.905	4.057	5.547	4.678	4.021
Tổng thu nhập	21.031	22.744	26.361	32.620	26.625	23.938
Chi phí hoạt động	(9.804)	(10.719)	(12.849)	(15.070)	(10.699)	(10.043)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	11.226	12.024	13.512	17.550	15.926	13.895
Chi phí DPRR tín dụng	(3.923)	(4.679)	(5.059)	(8.344)	(8.330)	(6.663)
Tổng lợi nhuận trước thuế	7.303	7.345	8.454	9.206	7.596	7.232
Chi phí thuế TNDN	(1.576)	(1.629)	(1.688)	(1.747)	(1.470)	(1.359)
Lợi nhuận sau thuế	5.728	5.717	6.765	7.459	6.126	5.873
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(15)	(19)	(20)	(27)	(18)	(20)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	5.713	5.698	6.745	7.432	6.108	5.855

Website Quan hệ Nhà đầu tư

<http://investor.vietinbank.vn>

The screenshot displays the website investor.vietinbank.vn/missionandvalues.aspx#. The page features a navigation menu with categories: TRANG CHỦ, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP, NHÀ ĐẦU TƯ, KẾT NỐI THƯƠNG MẠI, GIỚI THIỆU, TUYỂN DỤNG, and LIÊN HỆ. The main content area is titled "Nhà đầu tư & VietinBank" and includes a banner with the text: "Qua website này, chúng tôi muốn cung cấp cho Quý vị những thông tin đa chiều và thiết lập một kênh giao tiếp thường xuyên giữa". Below the banner are three circular icons representing core values: SỰ MỆNH (Mission), TÂM NHÌN (Vision), and GIÁ TRỊ CỐT LŨI (Core Values). The SỰ MỆNH section states: "Là ngân hàng số 1 của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiên ích, tiêu chuẩn quốc tế." The TÂM NHÌN section states: "Trở thành tập đoàn tài chính - ngân hàng hiện đại, đa năng, có tầm cỡ trong khu vực Đông Nam Á." The GIÁ TRỊ CỐT LŨI section states: "Mọi hoạt động đều hướng tới khách hàng: Năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tận tâm, minh bạch, hiện đại; Người lao động được quyền phân phối, cống hiến làm việc hết mình - được quyền hưởng thụ đúng với chất lượng, kết quả, hiệu quả của cá nhân đóng góp - được quyền tôn vinh cá nhân xuất sắc, lao động giỏi." On the right side, there is a "CHUYÊN TRANG NHÀ ĐẦU TƯ" section with a list of links: Tổng quan, Sự mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Thông điệp từ Chủ tịch, Giới thiệu VietinBank, Xếp hạng tín nhiệm, Giải thưởng, Tin tức, Thông tin dành cho cổ đông, Cổ phiếu CTG, Thông tin tài chính, Thông tin trái phiếu quốc tế, Quản trị doanh nghiệp, and Tham khảo và liên hệ. Below this is a "CTG" (Share Price) widget showing a price of 20.800, an increase of +0.10 (0.48%), and a volume of 840.410 (-48.85%) as of 20/06/2017. The Windows taskbar at the bottom shows the date as 6/20/2017 and the time as 9:53 AM.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Ban Thư ký HĐQT

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Email: investor@vietinbank.vn

Tel: 84-24-3 941 3622

Trân trọng cảm ơn!

Tuyên bố trách nhiệm:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.